

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Thà**.

Ông **Nguyễn Văn Hoàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1995.

ĐKKH và chỗ ở hiện nay: Thôn T2, xã K, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phan Văn T1**, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn G, xã G1(nay là xã K), huyện L, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Vũ Thị T** trình bày: Chị và anh **Phan Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1(nay là xã K), huyện L, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/02/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau một tháng anh **T1** cũng sang

Đài Loan làm ăn cùng chị nhưng vợ chồng không sống cùng nhau. Anh T1 sang Đài Loan được khoảng 4 tháng thì bị gãy tay nên phải về nước, từ đó anh ít liên lạc và nói chuyện với chị. Năm 2019, chị về phép có tìm anh để nói chuyện tình cảm nhưng anh vẫn lạnh nhạt và không quan tâm đến chị. Năm 2018, anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng không nói cho chị biết, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phan Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Thu H, sinh ngày 30/8/2015, hiện con đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh T1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T1. Bà Phạm Thị T2 (mẹ đẻ anh T1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 tại Hàn Quốc nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T1 biết, anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có một con chung như chị T trình bày là đúng, anh nhất trí để chị T nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị T và anh T1 là cháu Phan Thu H có nguyện vọng được ở với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Phan Văn T1. Về con chung: Giao con chung Phan Thu H cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị T sinh sống tại Việt Nam, bị đơn anh Phan Văn T1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Hải Dương, hiện anh T1 đang lao động tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1 tại Hàn Quốc. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà T2 - mẹ đẻ anh T1, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh T1 cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Phan Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1(nay là xã K), huyện L, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/02/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng cùng có thời gian sang Đài Loan làm ăn đến khi anh T1 bị tai nạn ở Đài Loan phải về nước, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh không quan tâm và không liên lạc với chị, năm 2018 anh đi làm ăn tại Hàn Quốc không nói cho chị biết. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T1. Thông qua gia đình, anh T1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phan Văn T1 có 01 con chung là Phan Thu H, sinh ngày 30/8/2015, hiện con đang ở với chị T. Chị T và anh T1 thống nhất: chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Con chung Phan Thu H có nguyện vọng được ở với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của anh chị phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Anh chị tự thống nhất thỏa thuận việc cấp dưỡng tiền nuôi con và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Phan Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phan Thu H, sinh ngày 30/8/2015 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000356 ngày 17/5/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã K, huyện L, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường